

Nhu cầu gia tăng thêm bảo vệ cho bản thân và gia đình				
Chăm sóc sức khỏe	☐			
Bệnh hiểm nghèo	☐			
Tử vong, tai nạn, thương tật	☒	100.000.000	0	100.000.000

C-Gợi ý sản phẩm

Tên sản phẩm chính	Lý do đề xuất
VLR9-Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung PRU-BẢO VỆ TỐI ĐA	Khách hàng có nhu cầu: phù hợp nhu cầu khách hàng

D-Xác nhận của khách hàng

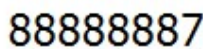
☒ Tôi xác nhận:

- Tư vấn viên đã thực hiện phân tích nhu cầu tài chính cho tôi.

- Tôi đã đọc và hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này.

- Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trên đây là chính xác, đầy đủ và tôi hiểu rằng việc cung cấp các thông tin không chính xác và đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến kết quả của việc phân tích nhu cầu tài chính.

- Tôi quyết định lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của tôi theo như gợi ý của Tư vấn viên. Các thông tin tài chính được cung cấp tại tài liệu này sẽ là cơ sở để tôi chọn lựa gói sản phẩm và số tiền bảo hiểm như được thể hiện chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm liên quan.

Khách hàng ký tên Ngày: 30/06/2025 14:35:55  Chữ ký: _____ Họ và tên: _____	Tư vấn viên ký tên Ngày: 30/06/2025 14:35:55  Chữ ký: _____ Họ và tên: NBUW TEST AGENCY Mã số: 88888887
---	--

*Lưu ý: Bảng phân tích này chỉ nhằm mục đích tìm hiểu nhu cầu và khả năng tài chính của Khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ thông qua các sản phẩm bảo hiểm của Prudential Việt Nam. Số tiền được thể hiện qua phân tích này chỉ mang tính tương đối, không phản ánh chính xác số tiền thực tế cần phải có trong tương lai. Quý khách nên thường xuyên xem lại phần phân tích này với chuyên viên Tư vấn tài chính của Prudential Việt Nam, đặc biệt là khi có sự thay đổi về nhu cầu hoặc điều kiện kinh tế khác.

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung PRU-BẢO VỆ TỐI ĐA

Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung 2024 của Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp; Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính Vốn điều lệ: 7.697,75 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM; Email của Bộ phận dịch vụ khách hàng: customer.service@prudential.com.vn Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Website: http://www.prudential.com.vn/vi/ Trung tâm chăm sóc Khách Hàng: http://www.prudential.com.vn/vi/lien-he/	THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN Họ và tên: NBUW TEST AGENCY Mã số đại lý: 88888887 Điện thoại: 0908841401 Địa chỉ liên hệ:
---	--

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung PRU-BẢO VỆ TỐI ĐA (PRU-BẢO VỆ TỐI ĐA) - giải pháp bảo hiểm đồng hành cùng khách hàng tạo dựng kế hoạch tài chính mang đến sự an tâm bảo vệ trước các rủi ro và tích lũy vững bền cho các ước mơ tương lai.

Bảo vệ đa tầng với Quyền lợi Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính từ 1.000.000.000 đồng và các Quyền lợi bảo vệ gia tăng tùy chọn với chi phí hợp lý

Tích lũy tài chính bền vững với lãi suất cam kết cùng các khoản thưởng hấp dẫn

Chủ động thực hiện các mục tiêu tài chính với quyền lợi linh hoạt đa dạng

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM (HĐBH)	5
II. THÔNG TIN CHI TIẾT	7
1. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM PRU-BẢO VỆ TỐI ĐA	7
2. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM	9
3. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN	10
4. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG	12
III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH	13
1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)	13
1.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng	13
1.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	14
1.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm	15
1.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm	16
2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)	17
2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng	17
2.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	20
2.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm	23
2.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm	26
3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN HỢP ĐỒNG (71 NĂM)	29
3.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng	29
3.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	32
IV. MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG	36
XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN VÀ BÊN MUA BẢO HIỂM	37



THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp	Tăng phí	Lý do tăng phí	CCCD/Hộ chiếu/ Khai sinh số
Bên mua bảo hiểm (BMBH):	Nguyễn Văn A	Nam	29				
Người được bảo hiểm chính (NDBH chính):	Nguyễn Văn A	Nam	29	Nhân viên văn phòng không giao dịch bên ngoài	Không		
Địa chỉ liên hệ:							

Đơn vị tính: đồng

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH	Người Được Bảo Hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm)	Số Tiền Bảo Hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản (năm)
PRU-BẢO VỆ TỐI ĐA - Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản	Nguyễn Văn A	71	40 ^(*)	1.000.000.000	18.340.000

Phí Bảo Hiểm Cơ Bản:

Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm dự kiến trong lần đầu tiên:

18.340.000

-

	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo định kỳ:	18.340.000	9.170.000	4.585.000	1.528.000
Phương thức đóng phí bảo hiểm:	Tiền mặt			
Định kỳ đóng phí dự kiến:	Năm			

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là phí tính cho người có sức khỏe trung bình theo tiêu chuẩn của Prudential. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên kết quả thẩm định của Prudential.
- Thời hạn đóng phí bắt buộc của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính là 4 Năm Hợp Đồng đầu tiên. Trong 4 năm này, HĐBH sẽ bị mất hiệu lực nếu Phí Bảo Hiểm Cơ Bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn. BMBH có thể đóng phí theo Thời hạn đóng phí dự kiến trong bảng minh họa hoặc linh hoạt đóng phí (tăng/giảm/tạm ngưng) tùy theo nhu cầu kể từ Năm Hợp Đồng thứ 5 theo quy định trong Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính. Việc giảm/tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể ảnh hưởng đến quyền lợi bảo hiểm và HĐBH có thể bị mất hiệu lực nếu Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng không đủ để trả Phí Rủi Ro và/hoặc Phí Quản Lý Hợp Đồng.
- (*) Thời hạn đóng phí dự kiến: là thời hạn BMBH dự định đóng Phí Bảo Hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính. Thời hạn đóng phí dự kiến có thể ngắn hơn hoặc bằng Thời hạn đóng phí theo quy định của sản phẩm, tùy theo khả năng và nhu cầu tài chính của BMBH.
- Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng là không bắt buộc, Khách hàng được chọn mua theo nhu cầu. Việc tham gia Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng sẽ không ảnh hưởng tới Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng. Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng không được hưởng quyền lợi Thương Tri Ân Khách Hàng và quyền lợi Thương Duy Trì Hợp Đồng.



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM PRU-BẢO VỆ TỐI ĐA

A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO

NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN
Dành cho Người được bảo hiểm chính: Nguyễn Văn A			
Nguyễn Văn A	Tử vong hoặc Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn (TTTBVV)	Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm (1.000.000.000 đồng) và Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản, cộng với Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm (nếu có), tính tại thời điểm tử vong của Người được bảo hiểm hoặc thời điểm xảy ra TTTBVV.	Quyền lợi tử vong được chi trả nếu NĐBH tử vong trong Thời gian HĐBH có hiệu lực. Trường hợp Prudential đã thực hiện chi trả cho một trong hai quyền lợi thì sẽ không chi trả cho quyền lợi còn lại.
			Quyền lợi TTTBVV được chi trả nếu NĐBH bị TTTBVV trong thời gian HĐBH có hiệu lực và sẽ chấm dứt vào Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 80 của NĐBH.



QUYỀN LỢI	SỰ KIỆN	QUYỀN LỢI	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN					
HƯỞNG LÃI TỪ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG	Theo định kỳ hàng tháng	BMBH được hưởng kết quả đầu tư tương ứng với Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng.	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sẽ được tính lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư do Prudential công bố dựa vào lãi suất đầu tư công bố của Quỹ Liên Kết Chung và lãi suất đầu tư công bố này sẽ không thấp hơn Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu.					
			Năm hợp đồng	1	2-3	4-7	8-15	16+
			Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%	1,0%
QUYỀN LỢI ĐÁO HẠN	Kết thúc thời hạn hợp đồng	100% Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng	HĐBH còn hiệu lực và NĐBH còn sống vào Ngày Đáo Hạn Hợp Đồng.					

C. QUYỀN LỢI THƯỞNG KHÁC NHẪM GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN

QUYỀN LỢI	SỰ KIỆN	CHI TIẾT QUYỀN LỢI	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN
THƯỞNG TRI ÂN KHÁCH HÀNG	Vào Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng thứ 10	- 150% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản. - Thời gian xét thưởng là 10 Năm Hợp Đồng liên tục đầu tiên tính từ Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng.	(a) HĐBH có hiệu lực tại thời điểm chi trả quyền lợi này; và (b) Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được đóng đầy đủ trong mỗi Năm Hợp Đồng; và (c) Không có giao dịch rút Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản trong suốt mỗi thời gian xét Thưởng Tri Ân Khách Hàng; và (d) BMBH không giảm Số Tiền Bảo Hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính trong suốt mỗi thời gian xét Thưởng Tri Ân Khách Hàng.
	Vào Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng thứ 15 và mỗi 5 năm sau đó	- 75% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản. - Thời gian xét thưởng là 5 Năm Hợp Đồng bắt đầu từ Năm Hợp Đồng thứ 11 đến hết Năm Hợp Đồng thứ 15 và mỗi 5 Năm Hợp Đồng liên tục liên sau đó.	
THƯỞNG DUY TRÌ HỢP ĐỒNG	Vào Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng thứ 20 và mỗi 5 năm sau đó	4% Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản trung bình trong 60 tháng liền kề trước đó sẽ được chi trả vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản.	HĐBH phải đang có hiệu lực tại thời điểm chi trả quyền lợi này
		4% Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm (nếu có) trung bình trong 60 tháng liền kề trước đó sẽ được chi trả vào Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm.	

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

2. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy Tắc và Điều Khoản của các sản phẩm đã tham gia. Quý khách vui lòng tham khảo thông tin chi tiết Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Quy Tắc và Điều Khoản của từng sản phẩm:

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG PRU-BẢO VỆ TỐI ĐA	
• Điều khoản loại trừ bảo hiểm	Loại trừ trong trường hợp NDBH tử vong: Prudential sẽ không chi trả Quyền Lợi Bảo Hiểm Tử Vong nếu NDBH tử vong do bất kỳ lý do nào dưới đây gây ra, dù trực tiếp hay gián tiếp: - NDBH tự tử hoặc tự gây thương tích, trong vòng 02 năm kể từ ngày Bên Mua Bảo Hiểm (BMBH) nộp khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản đầu tiên hoặc kể từ ngày Hợp Đồng Bảo Hiểm (HĐBH) khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau. Trường hợp HĐBH có tăng Số Tiền bảo Hiểm (STBH) so với lúc phát hành, phần tăng thêm của STBH cũng áp dụng loại trừ tại Điều này trong vòng 02 năm tính từ ngày có hiệu lực của việc tăng STBH hoặc từ ngày HĐBH khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc - Lỗi cố ý của BMBH hoặc Người Thụ Hưởng (NTH); hoặc - Hành vi phạm tội của BMBH và/hoặc NTH gây ra cho NDBH; hoặc - NDBH bị thi hành án tử hình; hoặc - NDBH nhiễm HIV, bị AIDS hoặc các bệnh liên quan đến HIV/AIDS, ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV hoặc bị AIDS như là hậu quả của nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát; hoặc - NDBH sử dụng bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất kích thích mà vi phạm pháp luật hoặc không theo chỉ định của Bác Sĩ. Loại trừ trong trường hợp NDBH bị TTTBVV: Prudential sẽ không chi trả Quyền Lợi Bảo Hiểm TTTBVV nếu tình trạng TTTBVV của NDBH: - Đã xảy ra trước Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng, hoặc trước ngày HĐBH khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau. Trường hợp HĐBH có tăng STBH so với lúc phát hành, phần tăng thêm của STBH cũng áp dụng loại trừ tại Điều này đối với các tình trạng TTTBVV của NDBH đã xảy ra trước ngày có hiệu lực của việc tăng STBH hoặc trước ngày HĐBH khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc - Do bất kỳ lý do nào dưới đây gây ra, dù trực tiếp hay gián tiếp: - NDBH mưu toan tự tử, tự tử không thành hoặc tự gây thương tích dẫn đến TTTBVV; hoặc - Do lỗi cố ý của NDBH và/hoặc BMBH và/hoặc NTH; hoặc - Do hành vi phạm tội của BMBH và/hoặc NDBH và/hoặc NTH gây ra cho NDBH; hoặc - NDBH tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc - NDBH sử dụng bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất kích thích mà vi phạm pháp luật hoặc không theo chỉ định của Bác Sĩ.

LUU Ý: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều Khoản của các sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://www.prudential.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều Khoản được Prudential Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có)

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

3. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN

- **Phí Bảo Hiểm Cơ Bản:** khoản phí bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính mà Bên Mua Bảo Hiểm chọn đóng tại thời điểm tham gia HĐBH theo quy định của Prudential.
- **Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm:** khoản tiền mà BMBH đóng thêm vào HĐBH theo Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.
- **Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản (GTTK Cơ Bản):** số tiền được tích lũy từ khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
- **Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm (GTTK Đóng Thêm):** số tiền được tích lũy từ khoản Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
- **Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (GTTK Hợp Đồng):** bao gồm Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm.
- **Phí Ban Đầu:** là khoản phí được dùng để bù đắp chi phí liên quan tới việc khai thác HĐBH và chi phí vốn của Prudential. Phí Ban Đầu được khấu trừ từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, nếu có, trước khi được phân bổ vào GTTK Cơ Bản và GTTK Đóng Thêm tương ứng, theo tỷ lệ quy định trong bảng sau:

Tỷ lệ Phí Ban Đầu theo Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4	5	6-10	11+
% của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	50%	30%	20%	20%	20%	2%/năm	0%
% của Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	1.5%						0%

- **Phí Rủi Ro:** khoản phí được dùng để đảm bảo chi trả Quyền Lợi Bảo Hiểm Rủi Ro cho Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính theo quy định tại HĐBH. Phí Rủi Ro được khấu trừ từ GTTK Hợp Đồng vào Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng và mỗi Ngày Kỷ Niệm Tháng Hợp Đồng.
- **Phí Quản Lý Hợp Đồng:** là khoản phí được dùng bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH cho BMBH. Phí Quản Lý Hợp Đồng được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng. Phí Quản Lý Hợp Đồng mỗi tháng trong mỗi năm dương lịch được quy định trong bảng sau:

(Đơn vị tính: VNĐ)

Năm dương lịch	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039+
Phí Quản Lý Hợp Đồng/tháng	42.000	44.000	46.000	48.000	50.000	52.000	54.000	56.000	58.000	60.000	62.000	64.000	66.000	68.000	70.000

- **Phí Quản Lý Quỹ:** khoản phí được khấu trừ hàng tháng vào Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng và các Ngày Kỷ Niệm Tháng Hợp Đồng từ lãi suất đầu tư dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên Kết Chung. Phí Quản Lý Quỹ trong mỗi năm tài chính tối đa là 2,0%/năm của giá trị tài sản ròng của Quỹ Liên Kết Chung.
- **Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn:** khoản phí được dùng để bù đắp các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến việc BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước hạn. Khoản phí này được trừ từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và được xác định theo tỷ lệ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản tại thời điểm chấm dứt HĐBH hoặc tại thời điểm HĐBH mất hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước theo bảng dưới đây:

Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6+
Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn (% GTTK Cơ Bản)	100%	100%	24%	12%	6%	0%

Ví dụ minh họa Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn trong thời gian đóng phí bắt buộc cho HĐBH có ngày hiệu lực HĐ là ngày 01/01/2025 và định kỳ đóng phí năm

Ví dụ 1:
BMBH đã đóng 3 năm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho HĐBH. Vào ngày 31/01/2027 trong Năm Hợp Đồng thứ 3, BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước hạn, Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn được tính bằng 24% GTTK Cơ Bản tại thời điểm HĐBH chấm dứt hiệu lực.

Ví dụ 2:
BMBH đã đóng 2 năm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho HĐBH. Sau thời gian 60 ngày gia hạn đóng phí, BMBH vẫn không đóng khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho Năm Hợp Đồng thứ 3, dẫn đến HĐBH mất hiệu lực từ Năm Hợp Đồng thứ 3. Nếu BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước hạn, Phí Chấm Dứt



Hợp Đồng Trước Hạn được tính bằng 100% GTTK Cơ Bản tại cuối Năm Hợp Đồng thứ 2.

Ví dụ 3:
BMBH đã đóng 2 năm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho HĐBH. Trong thời gian 60 ngày gia hạn đóng phí, BMBH không đóng khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho Năm Hợp Đồng thứ 3 và đồng thời yêu cầu chấm dứt HĐBH trước hạn. Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn được tính bằng 100% GTTK Cơ Bản tại cuối Năm Hợp Đồng thứ 2.

Ghi chú:

- Các thay đổi về Phí Ban Đầu, Phí Rủi Ro, hoặc mức tối đa của Phí Quản Lý Quỹ, nếu có sẽ được Prudential thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

II. THÔNG TIN CHI TIẾT
4. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG
THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

PRU-BẢO VỆ TỐI ĐA thuộc Quỹ Liên kết chung có các thông tin như sau:

Mục tiêu	Chính sách đầu tư	Lĩnh vực đầu tư
Tạo nguồn thu nhập tương đối ổn định với tỷ lệ lãi suất cao hơn lãi suất tiền gửi ngắn hạn bằng cách đầu tư vào danh mục đầu tư tài sản có gốc tiền tệ là VND, đảm bảo tỷ suất đầu tư cam kết tối thiểu.	Prudential sẽ thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định.	Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn như chứng khoán chưa niêm yết và chứng khoán đang được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Quỹ liên kết chung được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments.
Để tham khảo thông tin về sản phẩm, chính sách đầu tư và hoạt động của quỹ liên kết chung, vui lòng tham khảo tại Quy tắc và Điều khoản và:
<https://www.prudential.com.vn/vi/san-pham-bao-hiem-nhan-tho/san-pham-bao-hiem-lien-ket-chung-pru-bao-ve-toi-da/>
<https://www.prudential.com.vn/vi/thong-tin-cac-quy-dau-tu/quy-lien-ket-chung/>

LÃI SUẤT ĐẦU TƯ CÔNG BỐ

Năm	Lãi Suất Đầu Tư Công Bố (%/năm)			
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
2019	5,00%	5,00%	5,25%	5,25%
2020	5-6,50%	5-6,50%	5,10%	5,10%
2021	5,10%	5-5,10%	5,00%	5,00%
2022	5,00%	5,00%	5,00%	5,00%
2023	5,50%	5,25%	5,25%	5,25%
Bình quân năm của 5 năm liên tiếp gần nhất: 5,10%				

Ghi chú:

- Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung trong tương lai.



1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm (nếu có)) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bỏ			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro		
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	Tại mức lãi suất dự kiến 3,5% (*)	Tại mức lãi suất dự kiến 4,75% (*)
1 / 30	18.340	-	18.340	9.170	-	9.170	9.170	-	9.170	514	1.375	1.375	1.375
2 / 31	18.340	-	18.340	5.502	-	5.502	12.838	-	12.838	538	1.390	1.390	1.389
3 / 32	18.340	-	18.340	3.668	-	3.668	14.672	-	14.672	562	1.416	1.416	1.415
4 / 33	18.340	-	18.340	3.668	-	3.668	14.672	-	14.672	586	1.452	1.452	1.450
5 / 34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	610	1.519	1.518	1.515
6 / 35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	634	1.604	1.601	1.597
7 / 36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	658	1.707	1.704	1.698
8 / 37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	682	1.831	1.826	1.819
9 / 38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	706	1.971	1.964	1.955
10 / 39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	730	2.131	2.122	2.111
11 / 40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	754	2.315	2.304	2.289
12 / 41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	778	2.520	2.507	2.489
13 / 42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	802	2.743	2.726	2.705
14 / 43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	826	2.987	2.967	2.941
15 / 44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	3.254	3.229	3.198
16 / 45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	3.540	3.510	3.474
17 / 46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	3.848	3.814	3.771
18 / 47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	4.181	4.141	4.091
19 / 48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	4.539	4.492	4.434
20 / 49										840	(**)	4.879	4.813
21 / 50										840		5.309	5.232
22 / 51										840		(**)	5.719
23 / 52										840			6.281
24 / 53													(**)
Tổng/Cộng dồn	73.360	-	73.360	22.008	-	22.008	51.352	-	51.352	16.940	46.323	56.245	67.760

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0.



PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)

1.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bối/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (3)+(4)	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 30	18.340	9.170	1.000.000	-	-	-	7.567	-	7.567	1.000.000	-
2 / 31	36.680	22.008	1.000.000	-	-	-	19.058	-	19.058	1.000.000	-
3 / 32	55.020	36.680	1.000.000	-	-	-	32.733	-	32.733	1.000.000	24.877
4 / 33	73.360	51.352	1.000.000	-	-	-	46.524	-	46.524	1.000.000	40.941
5 / 34	-	-	1.000.000	-	-	-	45.530	-	45.530	1.000.000	42.798
6 / 35	-	-	1.000.000	-	-	-	44.400	-	44.400	1.000.000	44.400
7 / 36	-	-	1.000.000	-	-	-	43.114	-	43.114	1.000.000	43.114
8 / 37	-	-	1.000.000	-	-	-	41.436	-	41.436	1.000.000	41.436
9 / 38	-	-	1.000.000	-	-	-	39.559	-	39.559	1.000.000	39.559
10 / 39	-	-	1.000.000	-	-	-	37.459	-	37.459	1.000.000	37.459
11 / 40	-	-	1.000.000	-	-	-	35.107	-	35.107	1.000.000	35.107
12 / 41	-	-	1.000.000	-	-	-	32.476	-	32.476	1.000.000	32.476
13 / 42	-	-	1.000.000	-	-	-	29.542	-	29.542	1.000.000	29.542
14 / 43	-	-	1.000.000	-	-	-	26.279	-	26.279	1.000.000	26.279
15 / 44	-	-	1.000.000	-	-	-	22.667	-	22.667	1.000.000	22.667
16 / 45	-	-	1.000.000	-	-	-	18.491	-	18.491	1.000.000	18.491
17 / 46	-	-	1.000.000	-	-	-	13.963	-	13.963	1.000.000	13.963
18 / 47	-	-	1.000.000	-	-	-	9.054	-	9.054	1.000.000	9.054
19 / 48	-	-	1.000.000	-	-	-	3.738	-	3.738	1.000.000	3.738
20 / 49	-	-	-	-	-	-	(**)	-	(**)	-	(**)
Tổng/ Cộng dồn	73.360	51.352		-	-	-					

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (minh họa ở mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu) sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)

1.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bỏ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 3,5% ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (3)+(4)	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 30	18.340	9.170	1.000.000	-	-	-	7.567	-	7.567	1.000.000	-
2 / 31	36.680	22.008	1.000.000	-	-	-	19.155	-	19.155	1.000.000	-
3 / 32	55.020	36.680	1.000.000	-	-	-	32.997	-	32.997	1.000.000	25.077
4 / 33	73.360	51.352	1.000.000	-	-	-	47.261	-	47.261	1.000.000	41.590
5 / 34	-	-	1.000.000	-	-	-	46.748	-	46.748	1.000.000	43.943
6 / 35	-	-	1.000.000	-	-	-	46.107	-	46.107	1.000.000	46.107
7 / 36	-	-	1.000.000	-	-	-	45.315	-	45.315	1.000.000	45.315
8 / 37	-	-	1.000.000	-	-	-	44.347	-	44.347	1.000.000	44.347
9 / 38	-	-	1.000.000	-	-	-	43.179	-	43.179	1.000.000	43.179
10 / 39	-	-	1.000.000	-	-	-	41.785	-	41.785	1.000.000	41.785
11 / 40	-	-	1.000.000	-	-	-	40.133	-	40.133	1.000.000	40.133
12 / 41	-	-	1.000.000	-	-	-	38.192	-	38.192	1.000.000	38.192
13 / 42	-	-	1.000.000	-	-	-	35.935	-	35.935	1.000.000	35.935
14 / 43	-	-	1.000.000	-	-	-	33.330	-	33.330	1.000.000	33.330
15 / 44	-	-	1.000.000	-	-	-	30.352	-	30.352	1.000.000	30.352
16 / 45	-	-	1.000.000	-	-	-	26.983	-	26.983	1.000.000	26.983
17 / 46	-	-	1.000.000	-	-	-	23.187	-	23.187	1.000.000	23.187
18 / 47	-	-	1.000.000	-	-	-	18.925	-	18.925	1.000.000	18.925
19 / 48	-	-	1.000.000	-	-	-	14.156	-	14.156	1.000.000	14.156
20 / 49	-	-	1.000.000	-	818	-	9.644	-	9.644	1.000.000	9.644
21 / 50	-	-	1.000.000	-	-	-	3.558	-	3.558	1.000.000	3.558
22 / 51	-	-	-	-	-	-	(**)	-	(**)	-	(**)
Tổng/ Cộng dồn	73.360	51.352		-	818	-					

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (minh họa ở mức lãi suất dự kiến) sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)

1.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 4,75% ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (3)+(4)	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 30	18.340	9.170	1.000.000	-	-	-	7.669	-	7.669	1.000.000	-
2 / 31	36.680	22.008	1.000.000	-	-	-	19.505	-	19.505	1.000.000	-
3 / 32	55.020	36.680	1.000.000	-	-	-	33.773	-	33.773	1.000.000	25.668
4 / 33	73.360	51.352	1.000.000	-	-	-	48.659	-	48.659	1.000.000	42.820
5 / 34	-	-	1.000.000	-	-	-	48.791	-	48.791	1.000.000	45.864
6 / 35	-	-	1.000.000	-	-	-	48.821	-	48.821	1.000.000	48.821
7 / 36	-	-	1.000.000	-	-	-	48.725	-	48.725	1.000.000	48.725
8 / 37	-	-	1.000.000	-	-	-	48.475	-	48.475	1.000.000	48.475
9 / 38	-	-	1.000.000	-	-	-	48.050	-	48.050	1.000.000	48.050
10 / 39	-	-	1.000.000	-	-	-	47.420	-	47.420	1.000.000	47.420
11 / 40	-	-	1.000.000	-	-	-	46.553	-	46.553	1.000.000	46.553
12 / 41	-	-	1.000.000	-	-	-	45.415	-	45.415	1.000.000	45.415
13 / 42	-	-	1.000.000	-	-	-	43.977	-	43.977	1.000.000	43.977
14 / 43	-	-	1.000.000	-	-	-	42.205	-	42.205	1.000.000	42.205
15 / 44	-	-	1.000.000	-	-	-	40.069	-	40.069	1.000.000	40.069
16 / 45	-	-	1.000.000	-	-	-	37.550	-	37.550	1.000.000	37.550
17 / 46	-	-	1.000.000	-	-	-	34.607	-	34.607	1.000.000	34.607
18 / 47	-	-	1.000.000	-	-	-	31.196	-	31.196	1.000.000	31.196
19 / 48	-	-	1.000.000	-	-	-	27.271	-	27.271	1.000.000	27.271
20 / 49	-	-	1.000.000	-	1.293	-	24.064	-	24.064	1.000.000	24.064
21 / 50	-	-	1.000.000	-	-	-	18.201	-	18.201	1.000.000	18.201
22 / 51	-	-	1.000.000	-	-	-	11.789	-	11.789	1.000.000	11.789
23 / 52	-	-	1.000.000	-	-	-	4.748	-	4.748	1.000.000	4.748
24 / 53	-	-	-	-	-	-	(**)	-	(**)	-	(**)
Tổng/ Cộng dồn	73.360	51.352		-	1.293	-					

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (minh họa ở mức lãi suất dự kiến) sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm (nếu có)) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NĐBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro		
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	Tại mức lãi suất dự kiến 3,5% (*)	Tại mức lãi suất dự kiến 4,75% (*)
1 / 30	18.340	-	18.340	9.170	-	9.170	9.170	-	9.170	514	1.375	1.375	1.375
2 / 31	18.340	-	18.340	5.502	-	5.502	12.838	-	12.838	538	1.390	1.390	1.389
3 / 32	18.340	-	18.340	3.668	-	3.668	14.672	-	14.672	562	1.416	1.416	1.415
4 / 33	18.340	-	18.340	3.668	-	3.668	14.672	-	14.672	586	1.452	1.452	1.450
5 / 34	18.340	-	18.340	3.668	-	3.668	14.672	-	14.672	610	1.498	1.496	1.493
6 / 35	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	634	1.550	1.547	1.543
7 / 36	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	658	1.616	1.611	1.604
8 / 37	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	682	1.696	1.688	1.678
9 / 38	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	706	1.786	1.773	1.758
10 / 39	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	730	1.886	1.868	1.846
11 / 40	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	754	1.932	1.905	1.876
12 / 41	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	778	2.047	2.009	1.968
13 / 42	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	802	2.165	2.113	2.058
14 / 43	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	826	2.288	2.218	2.145
15 / 44	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.416	2.323	2.228
16 / 45	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.498	2.372	2.250
17 / 46	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.633	2.460	2.304
18 / 47	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.770	2.541	2.343
19 / 48	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.908	2.611	2.363
20 / 49	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.053	2.672	2.363
21 / 50	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.059	2.596	2.223
22 / 51	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.214	2.704	2.293
23 / 52	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.387	2.821	2.366
24 / 53	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.574	2.945	2.439
25 / 54	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.776	3.074	2.509



III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm (nếu có)) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NĐBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro		
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	Tại mức lãi suất dự kiến 3,5% (*)	Tại mức lãi suất dự kiến 4,75% (*)
26 / 55	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.709	2.897	2.242
27 / 56	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.881	2.975	2.246
28 / 57	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.042	3.034	2.223
29 / 58	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.190	3.071	2.170
30 / 59	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.328	3.085	2.084
31 / 60	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.975	2.540	1.384
32 / 61	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.051	2.449	1.158
33 / 62	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.118	2.321	874
34 / 63	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.170	2.147	518
35 / 64	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.195	1.912	76
36 / 65	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.298	621	
37 / 66	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.111	90	
38 / 67	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.840		
39 / 68	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.472		
40 / 69	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	1.994		
41 / 70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	353		
42 / 71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	91		
43 / 72	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
44 / 73	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
45 / 74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
46 / 75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
47 / 76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
48 / 77	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
49 / 78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
50 / 79	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm (nếu có)) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bỏ			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro		
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	Tại mức lãi suất dự kiến 3,5% (*)	Tại mức lãi suất dự kiến 4,75% (*)
51 / 80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
52 / 81	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
53 / 82	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
54 / 83	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
55 / 84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
56 / 85	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
57 / 86	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
58 / 87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
59 / 88	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
60 / 89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
61 / 90	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
62 / 91	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
63 / 92	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
64 / 93	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
65 / 94	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
66 / 95	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
67 / 96	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
68 / 97	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
69 / 98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
70 / 99	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
71 / 100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840			
Tổng/Cộng dồn	733.600	-	733.600	27.510	-	27.510	706.090	-	706.090	57.260	112.202	80.122	64.254

(*) Từ Năm Hợp Đồng 21 trở đi, lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu của Năm Hợp Đồng tương ứng được dùng để minh họa.



PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (3)+(4)	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại (5)
1 / 30	18.340	9.170	1.000.000	-	-	-	7.567	-	7.567	1.000.000	-
2 / 31	36.680	22.008	1.000.000	-	-	-	19.058	-	19.058	1.000.000	-
3 / 32	55.020	36.680	1.000.000	-	-	-	32.733	-	32.733	1.000.000	24.877
4 / 33	73.360	51.352	1.000.000	-	-	-	46.524	-	46.524	1.000.000	40.941
5 / 34	91.700	66.024	1.000.000	-	-	-	60.590	-	60.590	1.000.000	56.955
6 / 35	110.040	83.997	1.000.000	-	-	-	78.315	-	78.315	1.000.000	78.315
7 / 36	128.380	101.970	1.000.000	-	-	-	96.391	-	96.391	1.000.000	96.391
8 / 37	146.720	119.944	1.000.000	-	-	-	114.248	-	114.248	1.000.000	114.248
9 / 38	165.060	137.917	1.000.000	-	-	-	132.347	-	132.347	1.000.000	132.347
10 / 39	183.400	155.890	1.000.000	27.510	-	-	178.193	-	178.193	1.000.000	178.193
11 / 40	201.740	174.230	1.000.000	-	-	-	197.748	-	197.748	1.000.000	197.748
12 / 41	220.080	192.570	1.000.000	-	-	-	217.555	-	217.555	1.000.000	217.555
13 / 42	238.420	210.910	1.000.000	-	-	-	237.614	-	237.614	1.000.000	237.614
14 / 43	256.760	229.250	1.000.000	-	-	-	257.925	-	257.925	1.000.000	257.925
15 / 44	275.100	247.590	1.000.000	13.755	-	-	292.255	-	292.255	1.000.000	292.255
16 / 45	293.440	265.930	1.000.000	-	-	-	310.346	-	310.346	1.000.000	310.346
17 / 46	311.780	284.270	1.000.000	-	-	-	328.481	-	328.481	1.000.000	328.481
18 / 47	330.120	302.610	1.000.000	-	-	-	346.660	-	346.660	1.000.000	346.660
19 / 48	348.460	320.950	1.000.000	-	-	-	364.882	-	364.882	1.000.000	364.882
20 / 49	366.800	339.290	1.000.000	13.755	13.872	-	410.768	-	410.768	1.000.000	410.768
21 / 50	385.140	357.630	1.000.000	-	-	-	429.480	-	429.480	1.000.000	429.480
22 / 51	403.480	375.970	1.000.000	-	-	-	448.222	-	448.222	1.000.000	448.222
23 / 52	421.820	394.310	1.000.000	-	-	-	466.978	-	466.978	1.000.000	466.978
24 / 53	440.160	412.650	1.000.000	-	-	-	485.733	-	485.733	1.000.000	485.733
25 / 54	458.500	430.990	1.000.000	13.755	18.673	-	536.902	-	536.902	1.000.000	536.902



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản ⁽³⁾	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
51 / 80	-	-	1.000.000	-	-	-	1.175.430	-	1.175.430	1.175.430	1.175.430
52 / 81	-	-	1.000.000	-	-	-	1.186.339	-	1.186.339	1.186.339	1.186.339
53 / 82	-	-	1.000.000	-	-	-	1.197.358	-	1.197.358	1.197.358	1.197.358
54 / 83	-	-	1.000.000	-	-	-	1.208.487	-	1.208.487	1.208.487	1.208.487
55 / 84	-	-	1.000.000	-	47.696	-	1.267.424	-	1.267.424	1.267.424	1.267.424
56 / 85	-	-	1.000.000	-	-	-	1.279.254	-	1.279.254	1.279.254	1.279.254
57 / 86	-	-	1.000.000	-	-	-	1.291.202	-	1.291.202	1.291.202	1.291.202
58 / 87	-	-	1.000.000	-	-	-	1.303.269	-	1.303.269	1.303.269	1.303.269
59 / 88	-	-	1.000.000	-	-	-	1.315.457	-	1.315.457	1.315.457	1.315.457
60 / 89	-	-	1.000.000	-	51.914	-	1.379.681	-	1.379.681	1.379.681	1.379.681
61 / 90	-	-	1.000.000	-	-	-	1.392.633	-	1.392.633	1.392.633	1.392.633
62 / 91	-	-	1.000.000	-	-	-	1.405.715	-	1.405.715	1.405.715	1.405.715
63 / 92	-	-	1.000.000	-	-	-	1.418.928	-	1.418.928	1.418.928	1.418.928
64 / 93	-	-	1.000.000	-	-	-	1.432.273	-	1.432.273	1.432.273	1.432.273
65 / 94	-	-	1.000.000	-	56.520	-	1.502.270	-	1.502.270	1.502.270	1.502.270
66 / 95	-	-	1.000.000	-	-	-	1.516.449	-	1.516.449	1.516.449	1.516.449
67 / 96	-	-	1.000.000	-	-	-	1.530.769	-	1.530.769	1.530.769	1.530.769
68 / 97	-	-	1.000.000	-	-	-	1.545.232	-	1.545.232	1.545.232	1.545.232
69 / 98	-	-	1.000.000	-	-	-	1.559.839	-	1.559.839	1.559.839	1.559.839
70 / 99	-	-	1.000.000	-	61.549	-	1.636.143	-	1.636.143	1.636.143	1.636.143
71 / 100	-	-	1.000.000	-	-	-	1.651.660	-	1.651.660	1.651.660	1.651.660
Tổng/ Cộng dồn	733.600	706.090		110.040	422.820	-					



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bỏ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 3,5% ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (3)+(4)	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 30	18.340	9.170	1.000.000	-	-	-	7.567	-	7.567	1.000.000	-
2 / 31	36.680	22.008	1.000.000	-	-	-	19.155	-	19.155	1.000.000	-
3 / 32	55.020	36.680	1.000.000	-	-	-	32.997	-	32.997	1.000.000	25.077
4 / 33	73.360	51.352	1.000.000	-	-	-	47.261	-	47.261	1.000.000	41.590
5 / 34	91.700	66.024	1.000.000	-	-	-	61.956	-	61.956	1.000.000	58.238
6 / 35	110.040	83.997	1.000.000	-	-	-	80.505	-	80.505	1.000.000	80.505
7 / 36	128.380	101.970	1.000.000	-	-	-	99.613	-	99.613	1.000.000	99.613
8 / 37	146.720	119.944	1.000.000	-	-	-	119.288	-	119.288	1.000.000	119.288
9 / 38	165.060	137.917	1.000.000	-	-	-	139.539	-	139.539	1.000.000	139.539
10 / 39	183.400	155.890	1.000.000	27.510	-	-	187.890	-	187.890	1.000.000	187.890
11 / 40	201.740	174.230	1.000.000	-	-	-	210.739	-	210.739	1.000.000	210.739
12 / 41	220.080	192.570	1.000.000	-	-	-	234.258	-	234.258	1.000.000	234.258
13 / 42	238.420	210.910	1.000.000	-	-	-	258.470	-	258.470	1.000.000	258.470
14 / 43	256.760	229.250	1.000.000	-	-	-	283.398	-	283.398	1.000.000	283.398
15 / 44	275.100	247.590	1.000.000	13.755	-	-	322.832	-	322.832	1.000.000	322.832
16 / 45	293.440	265.930	1.000.000	-	-	-	349.841	-	349.841	1.000.000	349.841
17 / 46	311.780	284.270	1.000.000	-	-	-	377.705	-	377.705	1.000.000	377.705
18 / 47	330.120	302.610	1.000.000	-	-	-	406.463	-	406.463	1.000.000	406.463
19 / 48	348.460	320.950	1.000.000	-	-	-	436.156	-	436.156	1.000.000	436.156
20 / 49	366.800	339.290	1.000.000	13.755	16.104	-	496.684	-	496.684	1.000.000	496.684
21 / 50	385.140	357.630	1.000.000	-	-	-	516.720	-	516.720	1.000.000	516.720
22 / 51	403.480	375.970	1.000.000	-	-	-	536.848	-	536.848	1.000.000	536.848
23 / 52	421.820	394.310	1.000.000	-	-	-	557.058	-	557.058	1.000.000	557.058
24 / 53	440.160	412.650	1.000.000	-	-	-	577.347	-	577.347	1.000.000	577.347
25 / 54	458.500	430.990	1.000.000	13.755	22.252	-	633.716	-	633.716	1.000.000	633.716



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 3,5% ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Tri Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản ⁽³⁾	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
26 / 55	476.840	449.330	1.000.000	-	-	-	654.820	-	654.820	1.000.000	654.820
27 / 56	495.180	467.670	1.000.000	-	-	-	676.056	-	676.056	1.000.000	676.056
28 / 57	513.520	486.010	1.000.000	-	-	-	697.444	-	697.444	1.000.000	697.444
29 / 58	531.860	504.350	1.000.000	-	-	-	719.010	-	719.010	1.000.000	719.010
30 / 59	550.200	522.690	1.000.000	13.755	27.849	-	782.382	-	782.382	1.000.000	782.382
31 / 60	568.540	541.030	1.000.000	-	-	-	805.331	-	805.331	1.000.000	805.331
32 / 61	586.880	559.370	1.000.000	-	-	-	828.601	-	828.601	1.000.000	828.601
33 / 62	605.220	577.710	1.000.000	-	-	-	852.232	-	852.232	1.000.000	852.232
34 / 63	623.560	596.050	1.000.000	-	-	-	876.275	-	876.275	1.000.000	876.275
35 / 64	641.900	614.390	1.000.000	13.755	34.008	-	948.557	-	948.557	1.000.000	948.557
36 / 65	660.240	632.730	1.000.000	-	-	-	975.097	-	975.097	1.000.000	975.097
37 / 66	678.580	651.070	1.000.000	-	-	-	1.002.436	-	1.002.436	1.002.436	1.002.436
38 / 67	696.920	669.410	1.000.000	-	-	-	1.030.139	-	1.030.139	1.030.139	1.030.139
39 / 68	715.260	687.750	1.000.000	-	-	-	1.058.119	-	1.058.119	1.058.119	1.058.119
40 / 69	733.600	706.090	1.000.000	13.755	41.048	-	1.141.182	-	1.141.182	1.141.182	1.141.182
41 / 70	-	-	1.000.000	-	-	-	1.151.749	-	1.151.749	1.151.749	1.151.749
42 / 71	-	-	1.000.000	-	-	-	1.162.422	-	1.162.422	1.162.422	1.162.422
43 / 72	-	-	1.000.000	-	-	-	1.173.202	-	1.173.202	1.173.202	1.173.202
44 / 73	-	-	1.000.000	-	-	-	1.184.089	-	1.184.089	1.184.089	1.184.089
45 / 74	-	-	1.000.000	-	46.734	-	1.241.820	-	1.241.820	1.241.820	1.241.820
46 / 75	-	-	1.000.000	-	-	-	1.253.394	-	1.253.394	1.253.394	1.253.394
47 / 76	-	-	1.000.000	-	-	-	1.265.083	-	1.265.083	1.265.083	1.265.083
48 / 77	-	-	1.000.000	-	-	-	1.276.890	-	1.276.890	1.276.890	1.276.890
49 / 78	-	-	1.000.000	-	-	-	1.288.814	-	1.288.814	1.288.814	1.288.814
50 / 79	-	-	1.000.000	-	50.863	-	1.351.721	-	1.351.721	1.351.721	1.351.721



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 3,5% ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản ⁽³⁾	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
51 / 80	-	-	1.000.000	-	-	-	1.364.394	-	1.364.394	1.364.394	1.364.394
52 / 81	-	-	1.000.000	-	-	-	1.377.193	-	1.377.193	1.377.193	1.377.193
53 / 82	-	-	1.000.000	-	-	-	1.390.120	-	1.390.120	1.390.120	1.390.120
54 / 83	-	-	1.000.000	-	-	-	1.403.177	-	1.403.177	1.403.177	1.403.177
55 / 84	-	-	1.000.000	-	55.373	-	1.471.737	-	1.471.737	1.471.737	1.471.737
56 / 85	-	-	1.000.000	-	-	-	1.485.610	-	1.485.610	1.485.610	1.485.610
57 / 86	-	-	1.000.000	-	-	-	1.499.621	-	1.499.621	1.499.621	1.499.621
58 / 87	-	-	1.000.000	-	-	-	1.513.773	-	1.513.773	1.513.773	1.513.773
59 / 88	-	-	1.000.000	-	-	-	1.528.066	-	1.528.066	1.528.066	1.528.066
60 / 89	-	-	1.000.000	-	60.297	-	1.602.799	-	1.602.799	1.602.799	1.602.799
61 / 90	-	-	1.000.000	-	-	-	1.617.982	-	1.617.982	1.617.982	1.617.982
62 / 91	-	-	1.000.000	-	-	-	1.633.318	-	1.633.318	1.633.318	1.633.318
63 / 92	-	-	1.000.000	-	-	-	1.648.806	-	1.648.806	1.648.806	1.648.806
64 / 93	-	-	1.000.000	-	-	-	1.664.450	-	1.664.450	1.664.450	1.664.450
65 / 94	-	-	1.000.000	-	65.674	-	1.745.924	-	1.745.924	1.745.924	1.745.924
66 / 95	-	-	1.000.000	-	-	-	1.762.538	-	1.762.538	1.762.538	1.762.538
67 / 96	-	-	1.000.000	-	-	-	1.779.319	-	1.779.319	1.779.319	1.779.319
68 / 97	-	-	1.000.000	-	-	-	1.796.268	-	1.796.268	1.796.268	1.796.268
69 / 98	-	-	1.000.000	-	-	-	1.813.386	-	1.813.386	1.813.386	1.813.386
70 / 99	-	-	1.000.000	-	71.546	-	1.902.221	-	1.902.221	1.902.221	1.902.221
71 / 100	-	-	1.000.000	-	-	-	1.920.399	-	1.920.399	1.920.399	1.920.399
Tổng/ Cộng dồn	733.600	706.090		110.040	491.748	-					



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 4,75% ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (3)+(4)	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại (5)
1 / 30	18.340	9.170	1.000.000	-	-	-	7.669	-	7.669	1.000.000	-
2 / 31	36.680	22.008	1.000.000	-	-	-	19.505	-	19.505	1.000.000	-
3 / 32	55.020	36.680	1.000.000	-	-	-	33.773	-	33.773	1.000.000	25.668
4 / 33	73.360	51.352	1.000.000	-	-	-	48.659	-	48.659	1.000.000	42.820
5 / 34	91.700	66.024	1.000.000	-	-	-	64.183	-	64.183	1.000.000	60.332
6 / 35	110.040	83.997	1.000.000	-	-	-	83.827	-	83.827	1.000.000	83.827
7 / 36	128.380	101.970	1.000.000	-	-	-	104.317	-	104.317	1.000.000	104.317
8 / 37	146.720	119.944	1.000.000	-	-	-	125.679	-	125.679	1.000.000	125.679
9 / 38	165.060	137.917	1.000.000	-	-	-	147.949	-	147.949	1.000.000	147.949
10 / 39	183.400	155.890	1.000.000	27.510	-	-	198.673	-	198.673	1.000.000	198.673
11 / 40	201.740	174.230	1.000.000	-	-	-	224.624	-	224.624	1.000.000	224.624
12 / 41	220.080	192.570	1.000.000	-	-	-	251.690	-	251.690	1.000.000	251.690
13 / 42	238.420	210.910	1.000.000	-	-	-	279.924	-	279.924	1.000.000	279.924
14 / 43	256.760	229.250	1.000.000	-	-	-	309.385	-	309.385	1.000.000	309.385
15 / 44	275.100	247.590	1.000.000	13.755	-	-	353.901	-	353.901	1.000.000	353.901
16 / 45	293.440	265.930	1.000.000	-	-	-	386.754	-	386.754	1.000.000	386.754
17 / 46	311.780	284.270	1.000.000	-	-	-	421.112	-	421.112	1.000.000	421.112
18 / 47	330.120	302.610	1.000.000	-	-	-	457.062	-	457.062	1.000.000	457.062
19 / 48	348.460	320.950	1.000.000	-	-	-	494.700	-	494.700	1.000.000	494.700
20 / 49	366.800	339.290	1.000.000	13.755	18.023	-	565.903	-	565.903	1.000.000	565.903
21 / 50	385.140	357.630	1.000.000	-	-	-	587.006	-	587.006	1.000.000	587.006
22 / 51	403.480	375.970	1.000.000	-	-	-	608.250	-	608.250	1.000.000	608.250
23 / 52	421.820	394.310	1.000.000	-	-	-	629.633	-	629.633	1.000.000	629.633
24 / 53	440.160	412.650	1.000.000	-	-	-	651.157	-	651.157	1.000.000	651.157
25 / 54	458.500	430.990	1.000.000	13.755	25.136	-	711.715	-	711.715	1.000.000	711.715



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 4,75% ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Tri Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản ⁽³⁾	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
26 / 55	476.840	449.330	1.000.000	-	-	-	734.257	-	734.257	1.000.000	734.257
27 / 56	495.180	467.670	1.000.000	-	-	-	757.021	-	757.021	1.000.000	757.021
28 / 57	513.520	486.010	1.000.000	-	-	-	780.035	-	780.035	1.000.000	780.035
29 / 58	531.860	504.350	1.000.000	-	-	-	803.333	-	803.333	1.000.000	803.333
30 / 59	550.200	522.690	1.000.000	13.755	31.127	-	871.831	-	871.831	1.000.000	871.831
31 / 60	568.540	541.030	1.000.000	-	-	-	896.837	-	896.837	1.000.000	896.837
32 / 61	586.880	559.370	1.000.000	-	-	-	922.321	-	922.321	1.000.000	922.321
33 / 62	605.220	577.710	1.000.000	-	-	-	948.344	-	948.344	1.000.000	948.344
34 / 63	623.560	596.050	1.000.000	-	-	-	974.986	-	974.986	1.000.000	974.986
35 / 64	641.900	614.390	1.000.000	13.755	37.816	-	1.053.908	-	1.053.908	1.053.908	1.053.908
36 / 65	660.240	632.730	1.000.000	-	-	-	1.082.126	-	1.082.126	1.082.126	1.082.126
37 / 66	678.580	651.070	1.000.000	-	-	-	1.110.626	-	1.110.626	1.110.626	1.110.626
38 / 67	696.920	669.410	1.000.000	-	-	-	1.139.411	-	1.139.411	1.139.411	1.139.411
39 / 68	715.260	687.750	1.000.000	-	-	-	1.168.484	-	1.168.484	1.168.484	1.168.484
40 / 69	733.600	706.090	1.000.000	13.755	45.396	-	1.256.999	-	1.256.999	1.256.999	1.256.999
41 / 70	-	-	1.000.000	-	-	-	1.268.725	-	1.268.725	1.268.725	1.268.725
42 / 71	-	-	1.000.000	-	-	-	1.280.567	-	1.280.567	1.280.567	1.280.567
43 / 72	-	-	1.000.000	-	-	-	1.292.528	-	1.292.528	1.292.528	1.292.528
44 / 73	-	-	1.000.000	-	-	-	1.304.609	-	1.304.609	1.304.609	1.304.609
45 / 74	-	-	1.000.000	-	51.486	-	1.368.297	-	1.368.297	1.368.297	1.368.297
46 / 75	-	-	1.000.000	-	-	-	1.381.135	-	1.381.135	1.381.135	1.381.135
47 / 76	-	-	1.000.000	-	-	-	1.394.102	-	1.394.102	1.394.102	1.394.102
48 / 77	-	-	1.000.000	-	-	-	1.407.199	-	1.407.199	1.407.199	1.407.199
49 / 78	-	-	1.000.000	-	-	-	1.420.426	-	1.420.426	1.420.426	1.420.426
50 / 79	-	-	1.000.000	-	56.053	-	1.489.838	-	1.489.838	1.489.838	1.489.838



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (40 NĂM)

2.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 4,75% ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản ⁽³⁾	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
51 / 80	-	-	1.000.000	-	-	-	1.503.892	-	1.503.892	1.503.892	1.503.892
52 / 81	-	-	1.000.000	-	-	-	1.518.087	-	1.518.087	1.518.087	1.518.087
53 / 82	-	-	1.000.000	-	-	-	1.532.423	-	1.532.423	1.532.423	1.532.423
54 / 83	-	-	1.000.000	-	-	-	1.546.903	-	1.546.903	1.546.903	1.546.903
55 / 84	-	-	1.000.000	-	61.039	-	1.622.566	-	1.622.566	1.622.566	1.622.566
56 / 85	-	-	1.000.000	-	-	-	1.637.948	-	1.637.948	1.637.948	1.637.948
57 / 86	-	-	1.000.000	-	-	-	1.653.482	-	1.653.482	1.653.482	1.653.482
58 / 87	-	-	1.000.000	-	-	-	1.669.173	-	1.669.173	1.669.173	1.669.173
59 / 88	-	-	1.000.000	-	-	-	1.685.020	-	1.685.020	1.685.020	1.685.020
60 / 89	-	-	1.000.000	-	66.485	-	1.767.511	-	1.767.511	1.767.511	1.767.511
61 / 90	-	-	1.000.000	-	-	-	1.784.341	-	1.784.341	1.784.341	1.784.341
62 / 91	-	-	1.000.000	-	-	-	1.801.340	-	1.801.340	1.801.340	1.801.340
63 / 92	-	-	1.000.000	-	-	-	1.818.509	-	1.818.509	1.818.509	1.818.509
64 / 93	-	-	1.000.000	-	-	-	1.835.849	-	1.835.849	1.835.849	1.835.849
65 / 94	-	-	1.000.000	-	72.432	-	1.925.795	-	1.925.795	1.925.795	1.925.795
66 / 95	-	-	1.000.000	-	-	-	1.944.209	-	1.944.209	1.944.209	1.944.209
67 / 96	-	-	1.000.000	-	-	-	1.962.806	-	1.962.806	1.962.806	1.962.806
68 / 97	-	-	1.000.000	-	-	-	1.981.590	-	1.981.590	1.981.590	1.981.590
69 / 98	-	-	1.000.000	-	-	-	2.000.561	-	2.000.561	2.000.561	2.000.561
70 / 99	-	-	1.000.000	-	78.926	-	2.098.648	-	2.098.648	2.098.648	2.098.648
71 / 100	-	-	1.000.000	-	-	-	2.118.790	-	2.118.790	2.118.790	2.118.790
Tổng/ Cộng dồn	733.600	706.090		110.040	543.919	-					



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (71 NĂM)

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm (nếu có)) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bỏ			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		
1 / 30	18.340	-	18.340	9.170	-	9.170	9.170	-	9.170	514	1.375
2 / 31	18.340	-	18.340	5.502	-	5.502	12.838	-	12.838	538	1.390
3 / 32	18.340	-	18.340	3.668	-	3.668	14.672	-	14.672	562	1.416
4 / 33	18.340	-	18.340	3.668	-	3.668	14.672	-	14.672	586	1.452
5 / 34	18.340	-	18.340	3.668	-	3.668	14.672	-	14.672	610	1.498
6 / 35	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	634	1.550
7 / 36	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	658	1.616
8 / 37	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	682	1.696
9 / 38	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	706	1.786
10 / 39	18.340	-	18.340	367	-	367	17.973	-	17.973	730	1.886
11 / 40	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	754	1.932
12 / 41	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	778	2.047
13 / 42	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	802	2.165
14 / 43	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	826	2.288
15 / 44	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.416
16 / 45	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.498
17 / 46	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.633
18 / 47	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.770
19 / 48	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.908
20 / 49	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.053
21 / 50	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.059
22 / 51	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.214
23 / 52	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.387
24 / 53	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.574
25 / 54	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.776



PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (71 NĂM)

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm (nếu có)) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bỏ			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		
26 / 55	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.709
27 / 56	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.881
28 / 57	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.042
29 / 58	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.190
30 / 59	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.328
31 / 60	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.975
32 / 61	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.051
33 / 62	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.118
34 / 63	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.170
35 / 64	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	4.195
36 / 65	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.298
37 / 66	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	3.111
38 / 67	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.840
39 / 68	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	2.472
40 / 69	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	1.994
41 / 70	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	38
42 / 71	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
43 / 72	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
44 / 73	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
45 / 74	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
46 / 75	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
47 / 76	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
48 / 77	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
49 / 78	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
50 / 79	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	



PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (71 NĂM)

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm (nếu có)) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bỏ			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		
51 / 80	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
52 / 81	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
53 / 82	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
54 / 83	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
55 / 84	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
56 / 85	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
57 / 86	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
58 / 87	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
59 / 88	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
60 / 89	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
61 / 90	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
62 / 91	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
63 / 92	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
64 / 93	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
65 / 94	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
66 / 95	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
67 / 96	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
68 / 97	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
69 / 98	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
70 / 99	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
71 / 100	18.340	-	18.340	-	-	-	18.340	-	18.340	840	
Tổng/Cộng dồn	1.302.140	-	1.302.140	27.510	-	27.510	1.274.630	-	1.274.630	57.260	111.796



PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (71 NĂM)

3.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (3)+(4)	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 30	18.340	9.170	1.000.000	-	-	-	7.567	-	7.567	1.000.000	-
2 / 31	36.680	22.008	1.000.000	-	-	-	19.058	-	19.058	1.000.000	-
3 / 32	55.020	36.680	1.000.000	-	-	-	32.733	-	32.733	1.000.000	24.877
4 / 33	73.360	51.352	1.000.000	-	-	-	46.524	-	46.524	1.000.000	40.941
5 / 34	91.700	66.024	1.000.000	-	-	-	60.590	-	60.590	1.000.000	56.955
6 / 35	110.040	83.997	1.000.000	-	-	-	78.315	-	78.315	1.000.000	78.315
7 / 36	128.380	101.970	1.000.000	-	-	-	96.391	-	96.391	1.000.000	96.391
8 / 37	146.720	119.944	1.000.000	-	-	-	114.248	-	114.248	1.000.000	114.248
9 / 38	165.060	137.917	1.000.000	-	-	-	132.347	-	132.347	1.000.000	132.347
10 / 39	183.400	155.890	1.000.000	27.510	-	-	178.193	-	178.193	1.000.000	178.193
11 / 40	201.740	174.230	1.000.000	-	-	-	197.748	-	197.748	1.000.000	197.748
12 / 41	220.080	192.570	1.000.000	-	-	-	217.555	-	217.555	1.000.000	217.555
13 / 42	238.420	210.910	1.000.000	-	-	-	237.614	-	237.614	1.000.000	237.614
14 / 43	256.760	229.250	1.000.000	-	-	-	257.925	-	257.925	1.000.000	257.925
15 / 44	275.100	247.590	1.000.000	13.755	-	-	292.255	-	292.255	1.000.000	292.255
16 / 45	293.440	265.930	1.000.000	-	-	-	310.346	-	310.346	1.000.000	310.346
17 / 46	311.780	284.270	1.000.000	-	-	-	328.481	-	328.481	1.000.000	328.481
18 / 47	330.120	302.610	1.000.000	-	-	-	346.660	-	346.660	1.000.000	346.660
19 / 48	348.460	320.950	1.000.000	-	-	-	364.882	-	364.882	1.000.000	364.882
20 / 49	366.800	339.290	1.000.000	13.755	13.872	-	410.768	-	410.768	1.000.000	410.768
21 / 50	385.140	357.630	1.000.000	-	-	-	429.480	-	429.480	1.000.000	429.480
22 / 51	403.480	375.970	1.000.000	-	-	-	448.222	-	448.222	1.000.000	448.222
23 / 52	421.820	394.310	1.000.000	-	-	-	466.978	-	466.978	1.000.000	466.978
24 / 53	440.160	412.650	1.000.000	-	-	-	485.733	-	485.733	1.000.000	485.733
25 / 54	458.500	430.990	1.000.000	13.755	18.673	-	536.902	-	536.902	1.000.000	536.902



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (71 NĂM)

3.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bô/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			Quyền lợi TV/ TTTBVV	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Tri Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản ⁽³⁾	GTTK Đóng Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng Quyền lợi TV/ TTTBVV	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
26 / 55	476.840	449.330	1.000.000	-	-	-	556.221	-	556.221	1.000.000	556.221
27 / 56	495.180	467.670	1.000.000	-	-	-	575.561	-	575.561	1.000.000	575.561
28 / 57	513.520	486.010	1.000.000	-	-	-	594.932	-	594.932	1.000.000	594.932
29 / 58	531.860	504.350	1.000.000	-	-	-	614.348	-	614.348	1.000.000	614.348
30 / 59	550.200	522.690	1.000.000	13.755	23.781	-	671.356	-	671.356	1.000.000	671.356
31 / 60	568.540	541.030	1.000.000	-	-	-	691.752	-	691.752	1.000.000	691.752
32 / 61	586.880	559.370	1.000.000	-	-	-	712.276	-	712.276	1.000.000	712.276
33 / 62	605.220	577.710	1.000.000	-	-	-	732.937	-	732.937	1.000.000	732.937
34 / 63	623.560	596.050	1.000.000	-	-	-	753.753	-	753.753	1.000.000	753.753
35 / 64	641.900	614.390	1.000.000	13.755	29.282	-	817.789	-	817.789	1.000.000	817.789
36 / 65	660.240	632.730	1.000.000	-	-	-	840.330	-	840.330	1.000.000	840.330
37 / 66	678.580	651.070	1.000.000	-	-	-	863.284	-	863.284	1.000.000	863.284
38 / 67	696.920	669.410	1.000.000	-	-	-	886.740	-	886.740	1.000.000	886.740
39 / 68	715.260	687.750	1.000.000	-	-	-	910.801	-	910.801	1.000.000	910.801
40 / 69	733.600	706.090	1.000.000	13.755	35.398	-	984.737	-	984.737	1.000.000	984.737
41 / 70	751.940	724.430	1.000.000	-	-	-	1.012.224	-	1.012.224	1.012.224	1.012.224
42 / 71	770.280	742.770	1.000.000	-	-	-	1.040.025	-	1.040.025	1.040.025	1.040.025
43 / 72	788.620	761.110	1.000.000	-	-	-	1.068.104	-	1.068.104	1.068.104	1.068.104
44 / 73	806.960	779.450	1.000.000	-	-	-	1.096.464	-	1.096.464	1.096.464	1.096.464
45 / 74	825.300	797.790	1.000.000	13.755	42.556	-	1.181.419	-	1.181.419	1.181.419	1.181.419
46 / 75	843.640	816.130	1.000.000	-	-	-	1.210.912	-	1.210.912	1.210.912	1.210.912
47 / 76	861.980	834.470	1.000.000	-	-	-	1.240.700	-	1.240.700	1.240.700	1.240.700
48 / 77	880.320	852.810	1.000.000	-	-	-	1.270.786	-	1.270.786	1.270.786	1.270.786
49 / 78	898.660	871.150	1.000.000	-	-	-	1.301.173	-	1.301.173	1.301.173	1.301.173
50 / 79	917.000	889.490	1.000.000	13.755	50.628	-	1.396.246	-	1.396.246	1.396.246	1.396.246



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Nguyễn Văn A - Ký tên:
Nguyễn Văn A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

4986258/515573904
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR9
30/06/2025 14:36:09

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Ghi chú:

Các giá trị trong các bảng minh họa quyền lợi bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm Hợp Đồng, dựa trên giả định Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được đóng đầy đủ vào mỗi Năm Hợp Đồng và theo định kỳ đóng phí năm, Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm dự kiến được đóng đầy đủ vào đầu mỗi Năm Hợp Đồng, không có giao dịch nào làm thay đổi GTTK Hợp Đồng. Do đó, tùy thuộc vào Phí Bảo Hiểm Cơ Bản thực đóng, Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm thực đóng, số tiền rút từ GTTK Hợp Đồng thực tế, thời điểm đóng phí, định kỳ đóng phí của Khách hàng và kết quả đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung, GTTK Hợp Đồng có thể sẽ khác. Do đó, GTTK Hợp Đồng là không đảm bảo.

Quyền Lợi Bảo Hiểm đảm bảo theo Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm: trong mọi trường hợp, tất cả các Quyền Lợi Bảo Hiểm sẽ được đảm bảo, và được chi trả theo các quy định, điều kiện của Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm.

Đối với Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính, việc tăng phí sẽ không làm thay đổi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản nhưng sẽ làm tăng khoản Phí Rủi Ro và làm giảm GTTK Hợp Đồng. Phí Rủi Ro trong các bảng minh họa về khoản phí tính cho Khách hàng không bao gồm phần tăng phí vì lý do sức khỏe.

(1) Mức lãi suất đầu tư dự kiến 3,5%/năm và 4,75%/năm không được đảm bảo và chỉ mang tính chất minh họa. Từ Năm Hợp Đồng 21 trở đi, GTTK Hợp Đồng được tính dựa trên mức Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu tại Năm Hợp Đồng tương ứng. Mức lãi suất thực tế từ kết quả hoạt động của Quỹ Liên Kết Chung được công bố có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức lãi suất minh họa nhưng sẽ đảm bảo không thấp hơn mức Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu quy định trong bảng sau:

Năm Hợp Đồng	1	2 - 3	4 - 7	8 - 15	16+
Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%	1,0%

(2) BMBH có thể yêu cầu rút tiền bất kỳ lúc nào đối với GTTK Đóng Thêm sau Thời Hạn Cân Nhắc và kể từ Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng thứ 2 trở đi đối với GTTK Cơ Bản. Việc rút tiền từ GTTK Hợp Đồng sẽ được thực hiện theo thứ tự từ GTTK Đóng Thêm trước, nếu số tiền yêu cầu rút vượt quá 100% GTTK Đóng Thêm, phần vượt quá sẽ tiếp tục được rút từ GTTK Cơ Bản.

(3) GTTK Cơ Bản đã khấu trừ Phí Quản Lý Hợp Đồng, Phí Rủi Ro, khoản rút tiền (nếu có), và đã bao gồm các khoản lãi tích lũy, khoản Thưởng Duy Trì Hợp Đồng và khoản Thưởng Tri Ân Khách Hàng, nếu có.

(4) GTTK Đóng Thêm đã khấu trừ Phí Quản Lý Hợp Đồng, Phí Rủi Ro, khoản rút tiền (nếu có) và bao gồm các khoản lãi tích lũy và khoản Thưởng Duy Trì Hợp Đồng, nếu có.

(5) Giá Trị Hoàn Lại là số tiền Bên Mua Bảo Hiểm sẽ nhận khi HĐBH chấm dứt hiệu lực trước thời hạn. Giá Trị Hoàn Lại bằng GTTK Hợp Đồng vào ngày chấm dứt HĐBH trừ đi Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn.

IV. MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

1. Khai khai chính xác các thông tin cần thiết

BMBH/NĐBH có trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Prudential đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho HĐBH. Việc thẩm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của BMBH/NĐBH theo quy định tại điều này. Nếu vi phạm nghĩa vụ trên, tùy từng trường hợp, Prudential sẽ có quyền không chịu trách nhiệm bảo hiểm hoặc hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện hoặc vẫn chấp thuận bảo hiểm.

2. Thời hạn cần nhắc

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày BMBH ký xác nhận đã nhận được bản giấy của một số tài liệu của Bộ HĐBH theo quy định tại Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm, BMBH có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm. Trong trường hợp này, HĐBH sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm Prudential xác nhận bằng văn bản yêu cầu nêu trên, và Prudential sẽ hoàn lại cho BMBH (tổng) phí bảo hiểm đã đóng của Sản Phẩm này, không có lãi, sau khi trừ đi các chi phí khám, xét nghiệm y khoa, nếu có.

3. Đảm bảo hiệu lực của sản phẩm chính

Trong 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên, HĐBH sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực với điều kiện BMBH đầy đủ và đúng hạn Phí Bảo Hiểm Cơ Bản của 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên và không thực hiện rút tiền từ GTTK Cơ Bản.

4. Mất hiệu lực HĐBH

Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi sau 60 ngày gia hạn đóng phí:

(i) GTTK Hợp Đồng không đủ để trả Phí Rủi Ro và/hoặc Phí Quản Lý Hợp Đồng (trừ trường hợp nêu trong mục 3). Bảo đảm hiệu lực của sản phẩm chính bên trên; hoặc

(ii) Bên mua bảo hiểm vẫn không nộp đủ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản đến hạn, nếu Hợp đồng bảo hiểm đang ở trong 04 (năm) Năm hợp đồng đầu tiên. BMBH có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực HĐBH trong vòng 24 tháng kể từ ngày HĐBH mất hiệu lực theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính. Khi đó, Prudential có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu BMBH và NĐBH không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.

5. Một số điểm quan trọng khác

Việc giao kết một HĐBH Liên Kết Chung là một cam kết dài hạn. BMBH không nên chỉ duy trì HĐBH trong thời gian ngắn hạn vì các khoản phí phải trả có thể rất cao trong thời gian đầu của HĐBH, việc tạm ngưng đóng phí hay hủy bỏ HĐBH có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí đã đóng.

BMBH vui lòng lưu ý về các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và nghĩa vụ khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin. Nội dung cơ bản trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về quyền lợi, điều khoản loại trừ và các nội dung cơ bản khác của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên được quy định cụ thể trong Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm của từng sản phẩm bảo hiểm tương ứng và Quy Tắc và Điều Khoản Chung Áp Dụng Cho Bảo Hiểm Bán Cùng.



(Tư vấn viên ký và ghi rõ họ tên) 88888887 Chữ ký: _____ Họ và tên: NBUW TEST AGENCY Mã số Tư vấn viên: 88888887 Ngày: 30/06/2025 14:35:55	(Bên Mua Bảo Hiểm ký và ghi rõ họ tên) Chữ ký: _____ Họ và tên: _____ Ngày: 30/06/2025 14:35:55
BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	

